

Số: *111* /TB-MĐC

Hà Nội, ngày *05* tháng *5* năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc triển khai thủ tục miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2022 - 2023,
trợ cấp xã hội 6 tháng đầu năm 2023 và hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2023
cho sinh viên hệ chính quy**

Căn cứ Quyết định 194/2001/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/12/2001 về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC của Liên bộ Bộ giáo dục & đào tạo và Bộ Tài chính ngày 28/3/2002 hướng dẫn thực hiện Quyết định 194/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/12/2001 về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Nghị định 84/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/07/2020 về hướng dẫn Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm 2022 - 2023;

Nhà trường thông báo về việc triển khai thủ tục miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2022 - 2023, trợ cấp xã hội 6 tháng đầu năm 2023 và hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2023. Cụ thể như sau:

I. Miễn, giảm học phí

1. Đối tượng và hồ sơ:

- Đối tượng: (Theo hướng dẫn kèm theo)
- Hồ sơ: Sinh viên chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập



Sinh viên thuộc đối tượng miễn giảm học phí chưa nộp hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp thì nộp hồ sơ hưởng từ kỳ II năm 2022 - 2023;

Sinh viên đã nộp hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp và được hưởng tiền của kỳ trước thì không phải nộp hồ sơ của kỳ II năm 2022 - 2023, chỉ sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thì phải nộp giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để căn cứ xét tiếp miễn, giảm học phí cho học kỳ II năm học 2022 - 2023.

2. Thời gian, hình thức tiếp nhận hồ sơ:

Sinh viên nộp hồ sơ từ ngày 06/3/2023 đến hết ngày 24/3/2023 (Lưu ý: quá thời hạn trên, Nhà trường sẽ không giải quyết bất cứ trường hợp bổ sung nào);

Sinh viên nộp hồ sơ lần đầu và bổ sung tại Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên (Phòng A113)

3. Mức chi trả:

Nội dung	Đối tượng miễn 100%	Đối tượng miễn 70%	Đối tượng miễn 50%
Khối Kinh tế	980.000đ/tháng	686.000đ/tháng	490.000đ/tháng
Khối Kỹ thuật	1.170.000đ/tháng	819.000đ/tháng	585.000đ/tháng

II. Đối với đối tượng trợ cấp:

Đối tượng sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn hưởng mức trợ cấp xã hội là: 140.000đ/tháng/sinh viên;

Đối tượng sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn hưởng mức trợ cấp xã hội là: 100.000đ/tháng/sinh viên;

Đối tượng sinh viên là người thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ mức hưởng trợ cấp xã hội là: 1.490.000đ/tháng/sinh viên.

III. Đối với đối tượng hỗ trợ chi phí học tập:

Mức hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên chính quy là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ bằng 60% mức lương tối thiểu chung là: 894.000đ/tháng/sinh viên).

Đề nghị các đơn vị quản lý sinh viên thông báo đầy đủ và hướng dẫn sinh viên nghiêm túc thực hiện nội dung thông báo này.

Nơi nhận:

- BGH (đề t/dối, c/đạo);
- Các đơn vị quản lý sinh viên;
- Các lớp sv;
- HUMG eOFFICE;
- Lưu HCTH, CTSV₍₁₀₎.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

HƯỚNG DẪN: Đối tượng và hồ sơ triển khai thủ tục miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2022 - 2023 cho sinh viên hệ chính quy

Đối tượng, thời gian và thủ tục triển khai hồ sơ miễn giảm học phí học kỳ I năm học 2022 - 2023 như sau:

I. Đối tượng áp dụng

- Sinh viên hệ cao đẳng, liên thông, đại học chính quy trong toàn trường;
- Chỉ áp dụng với những sinh viên học ở các học kỳ chính;
- Không áp dụng đối với sinh viên đang bị kỷ luật ngừng học, buộc thôi học, lưu ban, học lại, học bổ sung;
- Các đối tượng thuộc diện miễn giảm học phí theo quy định mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất;
- Sinh viên được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, ngành trong cùng trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi;
- Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí với sinh viên đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục đại học khác.

II. Thủ tục hồ sơ

*** ĐỐI TƯỢNG MIỄN HỌC PHÍ**

1. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân:

- Đơn xin miễn, giảm học phí (theo mẫu);
- Giấy đề nghị chuyển khoản (theo mẫu);
- Giấy khai sinh (công chứng hoặc bản sao có dấu đỏ);
- Giấy xác nhận đối tượng do cơ quan quản lý đối tượng người có công hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường xác nhận;
- Giấy chứng nhận (hoặc quyết định) người có công với cách mạng;

2. *Đối với sinh viên học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất có độ tuổi không quá 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội:*

- 2.1. Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- 2.2. Mồ côi cả cha và mẹ;

2.3. Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;

2.4. Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

2.5. Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

2.6. Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;

2.7. Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

2.8. Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

2.9. Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

2.10. Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

2.11. Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Đơn xin miễn giảm học phí (theo mẫu);

- Giấy đề nghị chuyển khoản (theo mẫu);

- Giấy khai sinh (công chứng hoặc bản sao có dấu đỏ);

- Giấy xác nhận đối tượng do UBND xã, phường cấp cho đối tượng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các mục 2.1 đến 2.11;

- Và các loại giấy tờ chứng thực theo từng đối tượng cụ thể (tương ứng với các đối tượng ở mục 2.1 đến 2.11):

+ 2.1. Không cần thêm giấy tờ chứng thực.

+ 2.2. Giấy chứng tử của bố và mẹ.

+ 2.3. Giấy chứng tử của bố hoặc mẹ và Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố mất tích của người còn lại.

+ 2.4. Giấy chứng tử của bố hoặc mẹ và giấy xác nhận người còn lại đang được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng của cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

- + 2.5. Giấy chứng tử của bố hoặc mẹ.
- + 2.6. Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố mất tích của cả bố và mẹ.
- + 2.7. Giấy xác nhận bố và mẹ đang được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng của cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.
- + 2.8. Không cần thêm giấy tờ chứng thực.
- + 2.9. Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố mất tích của bố hoặc mẹ và giấy xác nhận người còn lại đang được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng của cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.
- + 2.10. Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố mất tích của bố hoặc mẹ.
- + 2.11. Giấy xác nhận bố hoặc mẹ đang được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng của cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

3. Đối với sinh viên bị tàn tật, khuyết tật:

- Đơn xin miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Giấy đề nghị chuyển khoản (theo mẫu);
- Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã (theo mẫu);

4. Đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ:

- Đơn xin miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Giấy đề nghị chuyển khoản (theo mẫu);
- Giấy khai sinh (bản sao có dấu đỏ);
- Hộ khẩu thường trú (bản sao có dấu đỏ);
- Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp;

5. Đối với sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 (dân tộc La Hủ, La Ha, Pà Thén, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, O'Đu) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền:

- Đơn xin miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Giấy đề nghị chuyển khoản (theo mẫu);
- Giấy khai sinh (bản sao có dấu đỏ);
- Giấy xác nhận của địa phương chứng thực là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn có căn cứ cụ thể;
- Sổ hộ khẩu thường trú (photo công chứng);

*** ĐỐI TƯỢNG GIẢM 70% HỌC PHÍ**

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn xin miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Giấy đề nghị chuyển khoản (theo mẫu);
- Giấy khai sinh (bản sao có dấu đỏ);
- Giấy xác nhận của địa phương chứng thực là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn có căn cứ cụ thể;
- Sổ hộ khẩu thường trú (photo công chứng);

*** ĐỐI TƯỢNG GIẢM 50% HỌC PHÍ**

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên

- Đơn xin miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Giấy đề nghị chuyển khoản (theo mẫu);
- Giấy khai sinh (công chứng hoặc bản sao có dấu đỏ);
- Giấy chứng nhận (hoặc quyết định) người bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp;
- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động (bản sao công chứng);